

Bản án số: 137/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-10-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Đình Đạt

Ông Nguyễn Văn Chiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXX-ST ngày 06/9/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/QĐ-ST ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị P tại Việt Nam: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 04/8/2021 Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị P được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng thống nhất để chị P đi xuất khẩu lao động vào năm 2011, nhưng chị P đi từ đó đến nay chưa về nước. Anh đã nhiều lần liên lạc yêu cầu chị P về nước để lo lắng cho gia đình nhưng chị P không thực hiện, đến nay vợ chồng không còn liên lạc và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P .

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt V, sinh ngày 12/4/2004 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2010 hiện nay hai con chung đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, anh không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra anh Q còn trình bày: Hiện nay chị P vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh đã lâu không liên lạc được với chị P, chị P vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ chị P là bà Nguyễn Thị T; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng bà T cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị P được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị P.

*Cháu Nguyễn Việt V và Nguyễn Văn T trình bày:* Các cháu là con của bố Nguyễn Văn Q và mẹ Nguyễn Thị P hiện nay các cháu đang ở cùng với bố là Nguyễn Văn Q. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu xin được ở với bố cháu là Nguyễn Văn Q.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị P không có bản tự khai.*

Ngày 09/8/2021 và ngày 20/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị P là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà T thông báo cho chị P biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị P; yêu cầu chị P viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc bà T vẫn giữ nguyên quan điểm là chị P ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị P, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị P biết để chị P gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng

không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị P gửi về.

*Tại phiên tòa*, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị P vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Q; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị P là bà Nguyễn Thị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn chị P không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị P. Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P là đúng quy định pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37, khoản 4 điều 147, điều 227, điều 228, điều 238, điều 271, điều 273, khoản 2 điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Việt V, sinh ngày 12/4/2004 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2010 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh Q không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Ý kiến Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Q.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị P là bà Nguyễn Thị T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà T thông báo cho chị P biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị P; Yêu cầu chị P viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Thanh cung cấp địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị T trình bày: Chị P ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị P cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị P biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị P.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn có đơn xin ly chị Nguyễn Thị P, chị P hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 18108/QLXNC-P5 ngày 12/8/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, thì chị P xuất cảnh ngày 11/10/2011 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị P ở Việt Nam là: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị P kết hôn ngày 22/01/2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do điều kiện kinh tế khó khăn chị P đi xuất khẩu lao động vào năm 2011, nhưng chị P đi từ đó đến nay chưa về nước. Anh đã nhiều lần liên lạc yêu cầu chị P về nước để lo lắng cho gia đình nhưng chị P không thực hiện, đến nay vợ chồng không còn liên lạc và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P .

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Q. Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân của anh Q, chị P là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian. Do kinh tế khó khăn nên chị P đi xuất khẩu lao động từ năm 2011, từ khi đi lao động tại nước ngoài chị P chưa về nước. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Q chị P đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q. Xử cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt V, sinh ngày 12/4/2004 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2010. Hiện nay hai con chung đang ở với anh Q. Ly hôn anh Q đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Q: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị P đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị P từ khi đi nước ngoài thì hai cháu Nguyễn Việt V và cháu Nguyễn Văn T vẫn do anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Mặt khác cháu V và cháu T trên bảy tuổi đều có nguyện vọng được ở cùng bố, khi bố mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q về nuôi con chung. Giao cho anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Việt V, sinh ngày 12/4/2004 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2010 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Nguyễn Thị P về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Nguyễn Văn Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu là Nguyễn Việt V, sinh ngày 12/4/2004 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/2010 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000094 ngày 05/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn Q đã nộp đủ.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:** Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị P hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**







